

Phụ lục I

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú	
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I		LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG										
Mục 1		TTHC mới ban hành										
1.	1	1.012019	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	MC	10 ngày	10 ngày	10 ngày		Không	x		
Mục 2		TTHC được sửa đổi, bổ sung										

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
2.	2	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	MC	TH tự liên hệ: 7 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	TH tự liên hệ: 7 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	TH tự liên hệ: 7 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	Không	x	x	
3.	3	1.001125	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	MC	TH tự liên hệ: 5 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	TH tự liên hệ: 5 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	TH tự liên hệ: 5 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	Không	x	x	
4.	4	1.001153	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức	MC	Xóa ĐK: 5 ngày Tiếp nhận mới 7 ngày (tự liên hệ); 10 ngày (Sở tư pháp bố trí)	Xóa ĐK: 5 ngày Tiếp nhận mới 7 ngày (tự liên hệ); 10 ngày (Sở tư pháp bố	Xóa ĐK: 5 ngày Tiếp nhận mới 7 ngày (tự liên hệ); 10 ngày (Sở tư pháp bố	Không	x	x	

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
			hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.		trí)	trí)					
5.	5	1.001438	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	MC	5 ngày	5 ngày	5 ngày	Không	x	x	
6.	6	1.001446	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	MC	TH tự liên hệ: 7 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	TH tự liên hệ: 7 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	TH tự liên hệ: 7 ngày TH Sở Tư pháp bố trí: 10 ngày	Không	x	x	
7.	7	1.001721	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	MC	15 ngày	15 ngày	15 ngày	Không	x	x	

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú	
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả		
II		LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI										
8.	8	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	MCLT	05 ngày	05 ngày	05 ngày		Không			
9.	9	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	MCLT	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến		4.500.000 đồng/trường hợp			

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - UBND cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình	trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - UBND cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình	đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - UBND cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
10.	10	2.002349	Cấp Giấy xác nhận công dân Việt nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	MC	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không			
11.	11	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	MCLT	Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến	Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian	Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian	Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng (tùy từng trường hợp, cơ quan chủ quản có thể là <i>Sở Lao động</i>	Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp. Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là	x	

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi:</p>	<p>Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian</p>	<p>Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được</p>	<p>- <i>Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động</i></p> <p>- <i>Thương binh và xã hội</i>); Cơ quan công an cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ đẻ của trẻ em cư trú cuối cùng đối với trường hợp trẻ</p>	<p>anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>- Chi phí: 50.000.000 đồng/</p>			

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ</p>	<p>Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp</p>	<p>lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng</p>	<p>em bị bỏ rơi Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin của cha mẹ đẻ nhưng không liên hệ được.</p>	<p>trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.</p>			

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em). - Thời gian Cục Nuôi con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ	xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với	không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh có</p>	<p>UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Nuôi con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian</p>	<p>với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Nuôi con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Nuôi con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều</p>	<p>Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận</p>	<p>Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>36 Luật Nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về</p>	<p>hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Nuôi con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật Nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư</p>	<p>có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Nuôi con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh ra Quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Sở Tư</p>	<p>pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho</p>	<p>quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật Nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>	<p>làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh ra Quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận</p>	<p>ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
					con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời 60 ngày.	thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian UBND tỉnh ra Quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
						tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
12.	12	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	MCLT	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30</p>	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm</p>	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến</p>	<p>- Mức thu lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000 đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em</p>	x		Nội dung chi tiết xem tại phần diễn giải bên dưới

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở	con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người	đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm		làm con nuôi. + Trường hợp đồng thời nhận 02 trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên			

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm</p>	<p>được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn</p>	<p>tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm</p>		<p>hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm:</p>			

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ</p>	<p>khở Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp</p>	<p>con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và</p>		<p>9.000.000 đồng/trường hợp).</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p>			

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận</p>	<p>lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại</p>	<p>thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				<p>được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn</p>	<p>nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60</p>	<p>được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước</p>					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				60 ngày.	ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.	ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do					

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (VNĐ)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Tư pháp	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
						chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.					

Ghi chú: - Thời hạn giải quyết được tính bằng ngày làm việc. Những hồ sơ giải quyết trong ngày tiếp nhận hồ sơ mà nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: **Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang**

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực công chứng

1. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

Trình tự thực hiện:

- Người được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công 01 bộ hồ sơ đăng ký tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BTP đến Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng và gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp người đủ điều kiện đăng ký tập sự đã liên hệ với ít nhất 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đã liên hệ với 01 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trong trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trở xuống mà bị từ chối nhận tập sự thì nộp hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BTP để Sở Tư pháp tỉnh, thành phố đó bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng và gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp tại tỉnh, thành phố đó không còn tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp thực hiện việc xác minh để làm rõ điều kiện đăng ký tập sự và nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng Thông tư số 08/2023/TT-BTP; thời hạn xác minh tối đa là 10 ngày và không tính vào thời gian xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng ký tập sự.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ:

a) Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a) hoặc (Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02) hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Người đăng ký tập sự phải là người đủ điều kiện đăng ký tập sự (có giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề công chứng).

* Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự:

a) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích hoặc về tội phạm do cố ý;

b) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Người bị mất, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

đ) Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân, viên chức trong đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân, danh hiệu Công an nhân dân hoặc đưa ra khỏi ngành;

e) Người đang làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động tại tổ chức hành nghề công chứng mà người đó tập sự hoặc ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà thời gian làm việc không trùng với ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b; Mẫu TP-TSCC-02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;

- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-TSCC-01a

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp tự liên hệ tập sự và được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (1) số:..... ngày...../...../..... do..... cấp.

Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính(Trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

.....

.....

Thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định của Luật Công chứng và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP (Ghi rõ thuộc đối tượng nào; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

.....

.....

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tập sự tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng(2); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:..... (3).

Thời gian tập sự:.....tháng (4).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/

Trưởng Văn phòng công chứng về việc

nhận tập sự

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Chỉ chọn 01 trong số 03 loại giấy tờ được liệt kê và ghi rõ số của giấy chứng nhận hoặc số quyết định, ngày cấp, nơi cấp.
- (2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.
- (3) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng năm cấp Thẻ công chứng viên.
- (4) Nếu thuộc trường hợp tập sự 06 tháng thì ghi rõ lý do và kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng này.

Mẫu TP-TSCC-01b

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp đã liên hệ tập sự và các tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (1) số:..... ngày...../...../..... do..... cấp.

Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính(Trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

.....

.....

.....

Thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định của Luật Công chứng và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP (Ghi rõ thuộc đối tượng nào; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

.....

.....

.....

Tôi đã tự liên hệ tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	Tổ chức hành nghề công chứng đã đến liên hệ tập sự	Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Ghi chú
1	(2)	(3)	

2	(2)	(3)	
3	(2)	(3)	

Tôi có nguyện vọng được tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố....., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự cho tôi tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố và đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho tôi.

Thời gian tập sự:.....tháng (4).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Chỉ chọn 01 trong số 03 loại giấy tờ được liệt kê và ghi rõ số của giấy chứng nhận hoặc số quyết định, ngày cấp, nơi cấp.
- (2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng.
- (3) Ghi rõ lý do từ chối nhận tập sự; ngày tháng năm, họ tên của người ký, ký, đóng dấu của tổ chức mình; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự đã xác nhận bằng văn bản riêng thì không cần xác nhận vào mục này.
- (4) Nếu thuộc trường hợp tập sự 06 tháng thì ghi rõ lý do và kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng này.

Mẫu TP-TSCC-02

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ TƯ PHÁP...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/QĐ-STP

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Xét hồ sơ đăng ký tập sự hành nghề công chứng của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng..... (1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho ông/bà, sinh ngày/...../.....; Căn cước công dân/chứng minh nhân dân số do..... cấp ngày:...../...../.....; Nơi ở hiện tại:.....

Nơi tập sự:..... (2)

Công chứng viên hướng dẫn tập sự:..... (3)

Thời gian tập sự:..... tháng.

Điều 2. Ông/bà..... có các quyền và nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng..... (1), Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng... và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như Điều 4;

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Cổng Thông tin điện tử Sở Tư pháp;

- Lưu: VT, ...

Chú thích:

(1) Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

(2) Ghi rõ tên Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.

(3) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng năm cấp Thẻ công chứng viên.

2. Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng

Trình tự thực hiện:

- Người được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công 01 bộ hồ sơ đăng ký tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BTP đến Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng và gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp người đủ điều kiện đăng ký tập sự đã liên hệ với ít nhất 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đã liên hệ với 01 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trong trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trở xuống mà bị từ chối nhận tập sự thì nộp hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BTP để Sở Tư pháp tỉnh, thành phố đó bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng và gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp tại tỉnh, thành phố đó không còn tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp thực hiện việc xác minh để làm rõ điều kiện đăng ký tập sự và nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư số 08/2023/TT-BTP; thời hạn xác minh tối đa là 10 ngày và không tính vào thời gian xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng ký tập sự.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ:

a) Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-02) hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người đã chấm dứt tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định tại Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Lý do chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP không còn;
- b) Đã có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc bản án đã có hiệu lực của Tòa án tuyên không có tội; đã được xóa án tích, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm do cố ý;
- c) Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- d) Sau thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định của Sở Tư pháp về việc chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại điểm k, l khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP có hiệu lực.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b; Mẫu TP-TSCC-02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;
- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-TSCC-01a
Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp tự liên hệ tập sự và được tổ chức hành nghề tập sự) công chứng nhận

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (1) số:..... ngày...../...../..... do..... cấp.

Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính(Trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

.....

.....

Thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định của Luật Công chứng và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP (Ghi rõ thuộc đối tượng nào; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

.....

.....

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tập sự tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng(2); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:..... (3).

Thời gian tập sự:.....tháng (4).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/

Người đề nghị

Trưởng Văn phòng công chứng về việc

(ký và ghi rõ họ tên)

nhận tập sự

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Chỉ chọn 01 trong số 03 loại giấy tờ được liệt kê và ghi rõ số của giấy chứng nhận hoặc số quyết định, ngày cấp, nơi cấp.
- (2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.
- (3) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng năm cấp Thẻ công chứng viên.
- (4) Nếu thuộc trường hợp tập sự 06 tháng thì ghi rõ lý do và kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng này.

Mẫu TP-TSCC-01b

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp đã liên hệ tập sự và các tổ chức hành nghề

công chứng từ chối nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:; ngày
cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi
dưỡng nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công
chứng ở nước ngoài (1) số:..... ngày...../...../..... do..... cấp.Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính(Trường
hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm
bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng
biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện
pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)Thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định của Luật
Công chứng và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP (Ghi rõ thuộc đối tượng nào; trường
hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

Tôi đã tự liên hệ tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	Tổ chức hành nghề công chứng đã đến liên hệ tập sự	Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Ghi chú
1	(2)	(3)	

2	(2)	(3)	
3	(2)	(3)	

Tôi có nguyện vọng được tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố....., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự cho tôi tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố và đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho tôi.

Thời gian tập sự:.....tháng (4).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) Chỉ chọn 01 trong số 03 loại giấy tờ được liệt kê và ghi rõ số của giấy chứng nhận hoặc số quyết định, ngày cấp, nơi cấp.

(2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng.

(3) Ghi rõ lý do từ chối nhận tập sự; ngày tháng năm, họ tên của người ký, ký, đóng dấu của tổ chức mình; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự đã xác nhận bằng văn bản riêng thì không cần xác nhận vào mục này.

(4) Nếu thuộc trường hợp tập sự 06 tháng thì ghi rõ lý do và kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng này.

Mẫu TP-TSCC-02

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ TƯ PHÁP...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/QĐ-STP

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng
tập sự hành nghề công chứng;

Bộ Tư pháp hướng dẫn

Xét hồ sơ đăng ký tập sự hành nghề công chứng của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng..... (1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho ông/bà, sinh ngày/...../.....; Căn
cước công dân/chứng minh nhân dân số do..... cấp ngày:...../...../.....; Nơi ở
hiện tại:.....

Nơi tập sự:..... (2)

Công chứng viên hướng dẫn tập sự:..... (3)

Thời gian tập sự:..... tháng.

Điều 2. Ông/bà..... có các quyền và nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng..... (1), Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công
chứng..... và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như Điều 4;

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Công Thông tin điện tử Sở Tư pháp;

- Lưu: VT, ...

Chú thích:

(1) Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

(2) Ghi rõ tên Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.

(3) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng năm cấp Thẻ công chứng viên.

3. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trình tự thực hiện:

Người tập sự tự liên hệ nơi tập sự mới hoặc đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được nhận tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng mới, người tập sự gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

- Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được giấy đề nghị bố trí nơi tập sự mới, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, thông báo bằng văn bản cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người tập sự tự liên hệ tập sự được với tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng;

- Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc thay đổi nơi tập sự hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người tập sự được thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi, giải thể theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn đủ các điều kiện nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng;

- c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định của Thông tư này và tổ chức hành nghề công chứng không còn công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự;
- d) Là viên chức của Phòng công chứng được điều động đến Phòng công chứng khác.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;
- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-TSCC-03

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Đã được đăng ký tập sự theo Quyết định số:..... ngày...../...../..... của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Thời gian tập sự được đăng ký:..... tháng; nơi tập sự được đăng ký: (1)

Thời gian đã tập sự:..... tháng..... ngày (từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....)

Lý do thay đổi nơi tập sự:.....(2)

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tiếp tục tập sự tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng(3); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:..... (4).

(* Trường hợp đã tự liên hệ và không tìm được nơi tập sự mới thì mục (3) và (4) được thay bằng nội dung sau:

Tôi đã tự liên hệ để tiếp tục tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	Tổ chức hành nghề công chứng đã đến liên hệ tiếp tục tập sự	Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Ghi chú
1	(5)	(6)	
2	(5)	(6)	
3	(5)	(6)	

Tôi có nguyện vọng được tiếp tục tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố....., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí cho tôi tiếp tục tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố).

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/
Trưởng Văn phòng công chứng người tập sự
đang tập sự (7)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/
Trưởng Văn phòng công chứng người
xin chuyển đến (8)

tập sự

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên và địa chỉ của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nơi mình đang tập sự.
- (2) Ghi rõ lý do, được quy định tại điểm, khoản, điều nào của Thông tư này; trường hợp thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì ghi rõ địa phương muốn chuyển đến.
- (3) Ghi rõ tên và địa chỉ của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nơi mình xin chuyển đến.
- (4) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng, năm cấp Thẻ công chứng viên (trường hợp đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì bỏ qua mục (3) và (4)).
- (5) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng.
- (6) Ghi rõ lý do từ chối nhận tập sự; ngày tháng năm, họ tên của người ký, ký, đóng dấu của tổ chức mình; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự đã xác nhận bằng văn bản riêng thì không cần xác nhận vào mục này.
- (7) Xác nhận về thời gian tập sự; số lần và lý do tạm ngừng tập sự (nếu có); việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình.
- (8) Xác nhận về việc nhận tập sự và phân công công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự (trường hợp đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì không cần ghi mục này).

4. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác

Trình tự thực hiện:

- Người tập sự gửi giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng đến Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự, Sở Tư pháp ra quyết định xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng, gửi cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

- Người tập sự tự liên hệ tập sự hoặc đề nghị bố trí tập sự và đăng ký tập sự tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng mà mình chuyển đến theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP để tiếp tục việc tập sự; hồ sơ đăng ký tập sự phải kèm theo quyết định xóa đăng ký tập sự, cụ thể:

(i) Người được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công 01 bộ hồ sơ đăng ký tập sự đến Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng và gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

(ii) Đối với trường hợp người đủ điều kiện đăng ký tập sự đã liên hệ với ít nhất 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đã liên hệ với 01 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trong trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trở xuống mà bị từ chối nhận tập sự thì nộp hồ sơ để Sở Tư pháp tỉnh, thành phố đó bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi chuyển đến xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và ra quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng và gửi quyết định cho người đăng ký tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp tại tỉnh, thành phố đó không còn tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp thực hiện việc xác minh để làm rõ điều kiện đăng ký tập sự và nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng và Thông tư này; thời hạn xác minh tối đa là 10 ngày và không tính vào thời gian xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng ký tập sự.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ:

- Đối với Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

- Đối với Sở Tư pháp nơi chuyển đến:

+ Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

+ Quyết định xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự (Mẫu TP-TSCC-04).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn đề Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự.

- Thời hạn đề Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự:

(i) Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(ii) Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã tập sự hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

- Quyết định đăng ký tập sự của Sở Tư pháp nơi chuyển đến hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người tập sự được thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi, giải thể theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn đủ các điều kiện nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng;

c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định của Thông tư này và tổ chức hành nghề công chứng không còn công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-03, Mẫu TP-TSCC-04, Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13.

- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-TSCC-03
Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Đã được đăng ký tập sự theo Quyết định số:..... ngày...../...../..... của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Thời gian tập sự được đăng ký:..... tháng; nơi tập sự được đăng ký: (1)

Thời gian đã tập sự:..... tháng..... ngày (từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....)

Lý do thay đổi nơi tập sự:.....(2)

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tiếp tục tập sự tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng(3); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:..... (4).

(* Trường hợp đã tự liên hệ và không tìm được nơi tập sự mới thì mục (3) và (4) được thay bằng nội dung sau:

Tôi đã tự liên hệ để tiếp tục tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	Tổ chức hành nghề công chứng đã đến liên hệ tiếp tục tập sự	Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Ghi chú
1	(5)	(6)	
2	(5)	(6)	
3	(5)	(6)	

Tôi có nguyện vọng được tiếp tục tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố....., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí cho tôi tiếp tục tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố).

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/
Trưởng Văn phòng công chứng người tập sự
đang tập sự (7)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/
Trưởng Văn phòng công chứng người
xin chuyển đến (8) tập sự

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên và địa chỉ của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nơi mình đang tập sự.
- (2) Ghi rõ lý do, được quy định tại điểm, khoản, điều nào của Thông tư này; trường hợp thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì ghi rõ địa phương muốn chuyển đến.
- (3) Ghi rõ tên và địa chỉ của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nơi mình xin chuyển đến.
- (4) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng, năm cấp Thẻ công chứng viên (trường hợp đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì bỏ qua mục (3) và (4)).
- (5) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng.
- (6) Ghi rõ lý do từ chối nhận tập sự; ngày tháng năm, họ tên của người ký, ký, đóng dấu của tổ chức mình; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự đã xác nhận bằng văn bản riêng thì không cần xác nhận vào mục này.
- (7) Xác nhận về thời gian tập sự; số lần và lý do tạm ngừng tập sự (nếu có); việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình.
- (8) Xác nhận về việc nhận tập sự và phân công công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự (trường hợp đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì không cần ghi mục này).

Mẫu TP-TSCC-04

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ TƯ PHÁP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-STP

..., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng _____

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Thông tư số...../2023/TT-BTP ngày/..../2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Xét giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng.....(1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa đăng ký tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố..... đối với ông/bà; sinh ngày...../...../.....; căn cước công dân/chứng minh nhân dân số..... do..... cấp ngày...../...../.....

Điều 2. Xác nhận ông/bà..... đã có quá trình tập sự tại tỉnh/thành phố....., cụ thể như sau:

Thời gian tập sự:..... tháng.... ngày (từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....) (2)

Nơi tập sự:.....(3)

Số lần tạm ngừng tập sự:.....; lý do tạm ngừng tập sự:.....(4)

Số lần thay đổi nơi tập sự:.....; lý do thay đổi nơi tập sự:.....(4)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng.....(1), Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng..... và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như Điều 4;

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Cổng Thông tin điện tử Sở Tư pháp;

- Lưu: VT,...

Chú thích:

(1) Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

(2) Ghi cụ thể số tháng và ngày (nếu không đủ tháng) người tập sự đã tập sự tại địa phương.

- (3) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nơi người tập sự đã tập sự.
- (4) Nếu có thì ghi rõ số lần và lý do; nếu không có thì ghi “không có” và bỏ trống phần lý do.

Mẫu TP-TSCC-01a

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp tự liên hệ tập sự và được tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (1) số:..... ngày...../...../..... do..... cấp.

Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính(Trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

Thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định của Luật Công chứng và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP (Ghi rõ thuộc đối tượng nào; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

Tôi đã tự liên hệ và được nhận tập sự tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng(2); công chứng viên được phân công hướng dẫn tập sự:..... (3).

Thời gian tập sự:.....tháng (4).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/

Trưởng Văn phòng công chứng về việc

nhận tập sự

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Chỉ chọn 01 trong số 03 loại giấy tờ được liệt kê và ghi rõ số của giấy chứng nhận hoặc số quyết định, ngày cấp, nơi cấp.
- (2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng nhận tập sự.
- (3) Ghi rõ họ và tên của công chứng viên; số và ngày, tháng năm cấp Thẻ công chứng viên.
- (4) Nếu thuộc trường hợp tập sự 06 tháng thì ghi rõ lý do và kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng này.

Mẫu TP-TSCC-01b

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Áp dụng đối với trường hợp đã liên hệ tập sự và các tổ chức hành nghề

công chứng từ chối nhận tập sự)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là:

Sinh ngày: Nam/Nữ:

Nơi ở hiện tại:.....

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số:; ngày
cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Số điện thoại:.....email:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi
dưỡng nghề công chứng/Quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công
chứng ở nước ngoài (1) số:..... ngày...../...../..... do..... cấp.Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính(Trường
hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi đầy đủ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm
bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp bị xử lý kỷ luật, áp dụng
biện pháp xử lý hành chính thì ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện
pháp xử lý hành chính; trường hợp không có thì ghi rõ là “không có”)Thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng khác theo quy định của Luật
Công chứng và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP (Ghi rõ thuộc đối tượng nào; trường
hợp không có thì ghi rõ là “không có”)

Tôi đã tự liên hệ tập sự tại các tổ chức hành nghề công chứng sau đây và bị từ chối nhận tập sự:

STT	Tổ chức hành nghề công chứng đã đến liên hệ tập sự	Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Ghi chú
1	(2)	(3)	

2	(2)	(3)	
3	(2)	(3)	

Tôi có nguyện vọng được tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố....., do vậy tôi đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự cho tôi tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trên địa bàn tỉnh/thành phố và đăng ký tập sự hành nghề công chứng cho tôi.

Thời gian tập sự:.....tháng (4).

Tôi cam đoan những thông tin mình cung cấp trong Giấy đề nghị này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này và chịu các hình thức xử lý theo quy định nếu bị phát hiện có hành vi gian dối, sai phạm.

Tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Chỉ chọn 01 trong số 03 loại giấy tờ được liệt kê và ghi rõ số của giấy chứng nhận hoặc số quyết định, ngày cấp, nơi cấp.
- (2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của từng Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng.
- (3) Ghi rõ lý do từ chối nhận tập sự; ngày tháng năm, họ tên của người ký, ký, đóng dấu của tổ chức mình; trường hợp tổ chức hành nghề công chứng từ chối nhận tập sự đã xác nhận bằng văn bản riêng thì không cần xác nhận vào mục này.
- (4) Nếu thuộc trường hợp tập sự 06 tháng thì ghi rõ lý do và kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng này.

5. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng

Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và l khoản 1 Điều 10 Thông tư số 08/2023/TT-BTP, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự phải báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do người tập sự chấm dứt tập sự.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng, gửi quyết định cho người tập sự và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ: Báo cáo bằng văn bản của tổ chức hành nghề công chứng về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hành nghề công chứng.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự chấm dứt tập sự;

b) Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp ký hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự hoặc ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà thời gian làm việc không trùng với ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

d) Không còn thường trú tại Việt Nam;

đ) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án;

g) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

h) Không thực hiện việc tập sự trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đăng ký tập sự của Sở Tư pháp có hiệu lực;

i) Tạm ngừng tập sự không thuộc các trường hợp quy định; tạm ngừng tập sự quá số lần quy định hoặc đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự theo quy định mà không tiếp tục tập sự;

l) Thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng tại thời điểm đăng ký tập sự.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-05ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 53/2014/TT-BTP;

- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-TSCC-05
Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

UBND TỈNH, TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-STP , ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng _____

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Xét báo cáo của Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công chứng.....;(1)

Theo đề nghị của Trưởng Phòng(2)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng tại tỉnh/thành phố..... đối với ông/bà; sinh ngày...../...../.....; căn cước công dân/chứng minh nhân dân số..... do cấp ngày...../...../.....

Lý do chấm dứt tập sự:.....(3)

Điều 2. Ông/bà..... chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng(2), Trưởng Phòng công chứng/Văn phòng công

chúng..... và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như Điều 4;

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Cổng Thông tin Sở Tư pháp;

- Lưu: VT,...

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên của Phòng công chứng/Văn phòng công chứng đã báo cáo; trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 10 của Thông tư thì không cần ghi nội dung này.

(2) Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

(3) Ghi rõ lý do chấm dứt tập sự, được quy định tại điểm nào của khoản 1 Điều 10 của Thông tư này.

6. Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng

Trình tự thực hiện

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự có văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự, kèm theo Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu) gửi Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự;

- Báo cáo kết quả tập sự và Sổ nhật ký tập sự (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

Phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người tập sự được công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Người tập sự có đủ điều kiện tập sự và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự;

b) Công chứng viên hướng dẫn tập sự đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và không thuộc các trường hợp phải thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong quá trình hướng dẫn tập sự;

c) Người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; có Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự nộp đúng thời hạn, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này và biểu mẫu kèm theo; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác của người tập sự.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-08 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 53/2014/TT-BTP;

- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-TSCC-08

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

UBND TỈNH, TP...

SỞ TƯ PHÁP

Số...../QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Xét đề nghị công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng.....(1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng đối với ông/bà, sinh ngày/...../....., căn cước công dân/chứng minh nhân dân số: do cấp ngày/...../.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng..... (1) và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như Điều 3;

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Cổng Thông tin điện tử Sở Tư pháp;

- Lưu: VT,...

Chú thích:

(1) Ghi tên Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp có trách nhiệm đề nghị.

7. Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng

Trình tự thực hiện:

- Người đăng ký tham dự kiểm tra nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công 01 bộ hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc qua Trung tâm dịch vụ hành chính công.

Thành phần hồ sơ:

a) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10);

b) Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng;

c) Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng;

d) Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.

Các giấy tờ quy định tại điểm b, c và d là bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Người được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước nộp Giấy đăng ký tham dự kiểm tra, trong đó có ghi rõ việc được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước đó.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan/giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra:

- a) Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 08/2023/TT-BTP;
- b) Đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra trước nhưng có đơn xin hoãn tham dự và được Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng cho phép hoãn tham dự kỳ kiểm tra đó;
- c) Đã tham dự nhưng không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trước, trừ trường hợp không đạt yêu cầu trong ba kỳ kiểm tra trước mà chưa tập sự lại.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

-Luật Công chứng số 53/2014/QH13;

- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mẫu TP-TSCC-10
Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ

KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng) (1)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tên tôi là:

Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân số: ngày
cấp:...../...../.....nơi cấp:

Nơi ở hiện tại:.....

Số điện thoại:.....; email:.....

Tôi đã hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại(2)

Công chứng viên hướng dẫn tập sự:..... (3)

Thời gian tập sự:..... tháng, từ ngày / / đến ngày / /

Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quyết định số:..... ngày / / của Sở Tư pháp
tỉnh/thành phố.....

Đã từng tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.....(4)

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của thí sinh
tham dự kiểm tra.

Xác nhận của

....., ngày ... tháng ... năm ...

Trưởng Phòng công chứng/ Trưởng Văn phòng
công chứng

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

(xác nhận các thông tin người tập sự cung cấp, ký,

ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ kỳ kiểm tra muốn đăng ký tham dự, ví dụ: “lần thứ năm”
- (2) Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng/Văn phòng công chứng nơi đã tập sự; trường hợp thay đổi nơi tập sự thì ghi đầy đủ thông tin về các tổ chức hành nghề công chứng đã tập sự.
- (3) Ghi rõ họ và tên; số và ngày, tháng năm của Thẻ công chứng viên hướng dẫn tập sự; trường hợp thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự thì ghi đầy đủ thông tin về các công chứng viên đã từng hướng dẫn.
- (4) Ghi rõ kỳ kiểm tra đã tham dự, ví dụ: “lần thứ ba”; trường hợp đã tham dự nhiều hơn 01 kỳ kiểm tra thì ghi các kỳ kiểm tra đã tham dự. Đối với người lần đầu đăng ký tham dự kiểm tra thì ghi: “Chưa tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng nào”. Đối với người được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước thì ghi: “Đã được Hội đồng kiểm tra kỳ kiểm tra lần thứ... cho phép hoãn tham dự kỳ kiểm tra”.

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng

Trình tự thực hiện¹:

Lập hồ sơ trẻ em được nhận làm con nuôi

Cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em, xin ý kiến cơ quan chủ quản (là cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở nuôi dưỡng, tùy từng trường hợp, cơ quan chủ quản có thể là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động – Thương binh và xã hội). Cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em.

ii) Tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

- Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em, nếu có công dân Việt Nam thường trú trên địa bàn tỉnh đăng ký nhu cầu nhận con nuôi thì Sở Tư pháp giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi và có văn bản giới thiệu người nhận con nuôi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng để xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

¹ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi:

*) Đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP) được nhận đích danh làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi ở nước ngoài và gửi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hồ sơ trẻ em để tìm người nhận con nuôi đích danh có điều kiện phù hợp với việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em.

*) Đối với trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP):

+) Sở Tư pháp thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Sở Tư pháp gửi hồ sơ trẻ em cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) để thông báo tìm người nhận con nuôi ở cấp Trung ương.

+) Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Nếu có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì người đó liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng để được xem xét, giải quyết. Trường hợp không có người Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo lại cho Sở Tư pháp.

iii) Xác nhận trẻ em đủ điều kiện để cho làm con nuôi nước ngoài

+) Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ của trẻ em và đối chiếu với các quy định về đối tượng, độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi, trường hợp được nhận đích danh, trường hợp phải thông qua thủ tục giới thiệu; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.

+) Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em. Cơ quan công an có văn bản xác minh và kết luận rõ ràng về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, không xác định được cha mẹ đẻ.

Trường hợp Công an cấp tỉnh xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ và Sở Tư pháp liên hệ được với cha, mẹ đẻ thì Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi.

Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi. Thời hạn niêm yết là 60 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

+) Sở Tư pháp lấy ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ của trẻ em; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì phải có văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi.

Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức phải:

*) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;

***) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;

***)) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý: Trong thời hạn này, những người liên quan (trừ trường hợp người được lấy ý kiến là Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng) do chưa nhận thức đầy đủ, chưa hiểu rõ những vấn đề được tư vấn hoặc bị ảnh hưởng, tác động bởi yếu tố tâm lý, sức khoẻ đã đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sau đó muốn thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đang giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi.

+) Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, gửi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi, văn bản xác minh của Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ chín tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì phải có văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi.

iv) Nộp hồ sơ, kiểm tra và thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi

- Văn phòng con nuôi nước ngoài nộp hồ sơ của người nhận con nuôi cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi), người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam ít nhất là 01 năm nộp hồ sơ của mình và hồ sơ của trẻ em cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).

- Căn cứ vào số lượng trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận hồ sơ của người nhận con nuôi.

- Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi. Trường hợp chấp thuận hồ sơ, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiến hành các thủ tục tiếp theo. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

v) Trường hợp giới thiệu trẻ em

+) Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi thông qua thủ tục giới thiệu cho Sở Tư pháp căn cứ vào số lượng trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài và số lượng hồ sơ của người nhận con nuôi đã được chấp thuận.

+) Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo UBND cấp tỉnh cho ý kiến.

Trước khi xem xét, giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, nếu có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Sở Tư pháp giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi và giới thiệu người đó liên hệ với UBND cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng để được xem xét, giải quyết. Nếu việc nhận con nuôi đã hoàn thành thì UBND cấp xã báo cáo Sở Tư pháp để chấm dứt việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

+) Trường hợp UBND cấp tỉnh chấp thuận, Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của UBND cấp tỉnh. Trường hợp không chấp thuận, UBND cấp tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Trường hợp Sở Tư pháp không giới thiệu được thì gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

vi) Kiểm tra và thông báo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài

- Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28, khoản 3 Điều 36 Luật Nuôi con nuôi, Điều 20 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP. Nếu cần thiết, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, y tế, gia đình, xã hội.

- Nếu trẻ em có đủ điều kiện để cho làm con nuôi ở nước ngoài, việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định và đáp ứng lợi ích tốt nhất của trẻ em, thì Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo bằng văn bản cho người nhận con nuôi, Cơ quan Trung ương về nuôi con

nuôi của nước ngoài hữu quan kèm theo báo cáo đánh giá về trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi ở nước ngoài và văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ chín tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi. Trường hợp trẻ em không đủ điều kiện để cho làm con nuôi, việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi không bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định và không đáp ứng lợi ích tốt nhất của trẻ em, thì Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp.

- Văn phòng con nuôi nước ngoài/Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài hữu quan/người nhận con nuôi gửi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) văn bản đồng ý của người nhận con nuôi về trẻ em được giới thiệu và văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hữu quan xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.

- Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp về ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, ý kiến của người nhận con nuôi.

(vii) Trường hợp nhận đích danh trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo

Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiến hành kiểm tra và thông báo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài (như bước “vi”), sau đó chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

(viii) Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài và tổ chức lễ giao nhận con nuôi

- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức lễ giao nhận con nuôi. Tại lễ giao nhận con nuôi, Sở Tư pháp giao cho cha, mẹ nuôi 01 bộ hồ sơ trẻ em gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật nuôi con nuôi và văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ chín tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì phải có văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi.

- Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay (nếu có yêu cầu).

Cách thức thực hiện²:

- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Cơ quan chủ quản cho ý kiến, Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng gửi Sở Tư pháp kèm theo văn bản cho ý kiến.

- Hồ sơ của người nhận con nuôi:

Nếu người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam thì nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.

Đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh, nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi). Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi), người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại

² Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) qua đường bưu điện theo hình thức gửi bảo đảm.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm có:

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh);
- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;
- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;
- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;
- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:

+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.

+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm).

Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:

*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm:

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

3 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng;
- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em;
- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.
- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.
- Số lượng hồ sơ4:

Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.

Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ hồ sơ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ người nhận con nuôi tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi).

Thời hạn giải quyết5:

- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.
- Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).

- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.
- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.
- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.
- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.

4 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

5 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý.
- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.
- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.
- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.
- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Văn phòng con nuôi nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp hồ sơ của người nhận con nuôi, lệ phí và chi phí (nếu có) khi thực hiện thủ tục hành chính.

Cơ sở nuôi dưỡng trẻ em nộp hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC6: Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp⁷: Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng (tùy từng trường hợp, cơ quan chủ quản có thể là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động – Thương binh và xã hội); Cơ quan công an cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ đẻ của trẻ em cư trú cuối cùng đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin của cha mẹ đẻ nhưng không liên hệ được.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Lệ phí, chi phí⁸:

Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.

Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chi phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.

Mức thu lệ phí và chi phí:

+) Lệ phí : 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp

6 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

7 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

8 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.

+) Chi phí: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/trường hợp

Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.

Thời điểm nộp lệ phí và chi phí:

+) Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.

+) Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai⁹:

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt-Anh);

- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người nhận con nuôi có đủ các điều kiện sau:

+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú;

+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, gồm:

i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

ii) Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;

iii) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;

iv) Có tư cách đạo đức tốt;

v) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây:

+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

+) Đang chấp hành hình phạt tù;

+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

- Người được nhận làm con nuôi có đủ điều kiện:

+) Dưới 16 tuổi;

+) Là trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng;

+) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

⁹ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

Căn cứ pháp lý¹⁰:

- Luật Nuôi con nuôi;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;
- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

¹⁰ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4x6 cm
Prospective

lanh phúc
UBLIC OF VIETNAM
dom-Happiness

Ảnh chân
dung của
người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4x6
cm

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM

LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(Used for adoption of a child living in an institution)

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phân khai về người nhận con nuôi/Information of prospective adoptive parent(s)

Thông tin/Information	Ông/Mr	Bà/Ms
Họ, chữ đệm, tên /Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth		
Quốc tịch/Nationality		
Hộ chiếu/Passport 11		
Nghề nghiệp/Occupation		
Nơi cư trú/Place of residence		

11 Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

Điện thoại/ thư điện tử/Phone number/email		
--	--	--

2. Nguyên vọng về trẻ em được nhận làm con nuôi/Desire for adopting a child with

Độ tuổi/Age:

Giới tính/Sex:

Tình trạng sức khoẻ/Health status:

Các đặc điểm khác (nếu có)/other characteristics (if any):

.....

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại, ngày..... tháng năm.....

Done in....., on day.....month.....year.....

ÔNG /Mr

BÀ/Ms

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Signature, full name)

(Signature, full name)

VẤN BẢN

VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM

1. Họ, chữ đệm, tên: Nam Nữ

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi cư trú:

4. Hoàn cảnh gia đình:

 Bị bỏ rơi Mồ côi cả cha và mẹ Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ):

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ

1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):
.....

2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):

3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:

Chiều cao Cân nặng

Sức khỏe hiện tại:

 Bình thường Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

 Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo:

Có đang được điều trị không?

 Không

Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị:

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:

Vận động (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó):

Tương tác (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô công trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...):

Ngôn ngữ (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):

Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?

Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...):

III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng¹²

Người lập báo cáo¹³

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

¹² Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

¹³ Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

2. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi

Trình tự thực hiện¹⁴:

i) Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gửi Sở Tư pháp nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người liên quan kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sau khi kiểm tra, nếu thấy người được nhận làm con nuôi có đủ điều kiện để cho làm con nuôi nước ngoài thì Sở Tư pháp xác nhận đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài, thông báo cho người nộp hồ sơ và gửi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hồ sơ của người được nhận làm con nuôi kèm theo văn bản xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện được cho làm con nuôi, văn bản lấy ý kiến của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của người được nhận làm con nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho làm con nuôi.

ii) Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và bản chụp hồ sơ của người được nhận làm con nuôi cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).

- Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ, trả lại hồ sơ cho người nhận con nuôi, nêu rõ lý do bằng văn bản.

Trường hợp chấp thuận hồ sơ:

+) Đối với trường hợp người nhận làm con nuôi thường trú ở những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp nơi người được nhận làm con nuôi thường trú để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

+) Đối với trường hợp người nhận làm con nuôi thường trú ở những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo bằng văn bản cho người nhận con nuôi và Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài hữu quan, kèm theo báo cáo đánh giá về người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện cho làm con nuôi ở nước ngoài và văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của người được nhận làm con nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho làm con nuôi.

Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài hữu quan xác nhận người được nhận làm con nuôi sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước nhận người đó làm con nuôi, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Trường hợp Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài hữu quan không chấp thuận, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản cho người nhận con nuôi và thông báo cho Sở Tư pháp.

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức lễ giao nhận con nuôi. Tại lễ giao nhận con nuôi, Sở Tư pháp giao cho cha, mẹ nuôi 01 bộ hồ sơ người được nhận làm con nuôi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của người được nhận làm con nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho làm con nuôi.

14 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp với Công ước La Hay (nếu có yêu cầu).

Cách thức thực hiện¹⁵:

- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: nộp tại Sở Tư pháp.

- Hồ sơ của người nhận con nuôi: nộp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua các hình thức: nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi); ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc nộp qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).

Lưu ý: Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi khi nộp hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú của người được nhận làm con nuôi, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thành phần hồ sơ¹⁶:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh);

- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;

- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;

- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe;

- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:

+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.

+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm:

+) Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.

+) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

¹⁵ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

¹⁶ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:

*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;
- Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên;
- Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.
- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).
- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.

Số lượng hồ sơ¹⁷:

Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ của người nhận con nuôi tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).

Thời hạn giải quyết¹⁸:

- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.
- Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.

¹⁷ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

¹⁸ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam:

+ Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.

+ Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó.

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC19: Sở Tư pháp; Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Người nhận con nuôi thường trú ở nước ngoài là cha dượng/mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

- Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được nhận làm con nuôi.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai²⁰:

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh) (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);

- Biểu mẫu điện tử tương tác Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);

- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).

Lệ phí và chi phí²¹:

Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.

Mức thu lệ phí:

+ Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.

+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố

19 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

20 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

21 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp).

Mức thu chi phí: Không quy định.

Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.

+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật nuôi con nuôi, gồm:

i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

ii) Có tư cách đạo đức tốt;

iii) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây:

+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

+) Đang chấp hành hình phạt tù;

+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Theo khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, thủ tục này không áp dụng các điều kiện: người nhận con nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.

Người được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau đây:

+) Là người dưới 18 tuổi;

+) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý²²:

- Luật Nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;

²² Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;
- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4x6 cm
Prospective
adoptive

lo - Hạnh phúc

REPUBLIC OF VIETNAM

Freedom-Happiness

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4x6 cm
Prospective
adoptive

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM

LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(Used for adoption of a step-child or biological niece/nephew)

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/Information of prospective adoptive parent(s)

Thông tin/Information	Ông/Mr	Bà/Ms
Họ, chữ đệm, tên /Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth		
Quốc tịch/Nationality		
Hộ chiếu/Passport ²³		
Nghề nghiệp/Occupation		

²³ Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

Nơi cư trú/Place of residence		
Điện thoại/ thư điện tử/Phone number/email		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi/Information of the child to be adopted

Họ, chữ đệm, tên/Full name: Giới tính/Sex:

Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:..... Quốc tịch/Nationality:

Số định danh cá nhân/Personal identity number:.....

Nơi sinh/Place of birth:.....
.....

Nơi cư trú/Place of residence:

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà/currently living with Mr/Ms:

Họ, chữ đệm, tên/Full name:

Nơi cư trú/Place of residence:

Điện thoại/thư điện tử/Phone number/email:

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại, ngày..... tháng năm.....

Done in....., on day.....month.....year.....

ÔNG /Mr

BÀ/Ms

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Signature, full name)

(Signature, full name)

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHA DƯỠNG, MẸ KẾ NHẬN CON RIÊNG CỦA VỢ HOẶC CHỒNG; CÔ, CẬU, DÌ, CHỮ, BÁC RUỘT NHẬN CHÁU LÀM CON NUÔI

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi cư trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi cư trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

VẤN BẢN

VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRÉ EM ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRÉ EM

1. Họ, chữ đệm, tên: Nam Nữ

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi cư trú:

4. Hoàn cảnh gia đình:

 Bị bỏ rơi Mồ côi cả cha và mẹ Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ):

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ

1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):
.....

2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):

3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:

Chiều cao Cân nặng

Sức khỏe hiện tại:

 Bình thường Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

 Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo:

Có đang được điều trị không?

 Không

Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị:

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:

Vận động (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó):

Tương tác (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô công trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...):

Ngôn ngữ (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):

Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?

Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...):

III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng²⁴

Người lập báo cáo²⁵

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

²⁴ Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

²⁵ Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

3. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại Sở Tư pháp nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.
- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài đề cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

Cách thức thực hiện²⁶: Nộp tại Sở Tư pháp.

Lưu ý:

Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của cha mẹ nuôi và con nuôi khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thành phần hồ sơ:

Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Không

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

Lệ phí: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

Căn cứ pháp lý²⁷:

- Luật Nuôi con nuôi 2010;

²⁶ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

²⁷ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi²⁸:.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²⁹:

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Giấy khai sinh/Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu⁸⁹:

.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

Là con nuôi của:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch³⁰:Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu⁸⁹:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch⁹⁰:Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu⁸⁹:

²⁸ Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi.²⁹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.³⁰ Đối với trường hợp đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

.....
 Nơi cư trú:

Đã đăng ký nuôi con nuôi tại³¹:

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
 số..... ngày tháng năm.....³²

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Làm tại, ngàytháng.....năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ nhất

Tôi tên là.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân⁸⁹.....

Cư trú tại:.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và tôi xin
 chứng của mình.

....., ngày.....tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ hai

Tôi tên

là.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân⁸⁹:...

Cư trú

tại:.....

31 Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

32 Đối với trường hợp có thông tin về Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4. Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Trình tự thực hiện³³:

- Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được giới thiệu làm con nuôi tại Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú;

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan:

+ Công chức kiểm tra hồ sơ. Khi kiểm tra hồ sơ, công chức phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.

+ Công chức lấy ý kiến của những người liên quan:

Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức phải:

i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;

ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;

iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi.

- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.

- Trường hợp từ chối thì Sở Tư pháp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện³⁴: Nộp tại Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ³⁵:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;

- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:

+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.

33 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

34 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

35 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);

- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

Lưu ý:

Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi/người được giới thiệu làm con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Sở Tư pháp nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan phối hợp: Không.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai³⁶:

- Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);
- Biểu mẫu điện tử tương tác Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

Lệ phí³⁷: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- + Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;
- + Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý³⁸:

- Luật Nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

³⁶ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

³⁷ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

³⁸ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4x6 cm

NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi:.....39

Phân khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ⁴⁰		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

Phân khai về người được nhận làm con nuôi

39 Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

40 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

Thuộc đối tượng⁴¹:

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/Thư điện tử:

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú⁴².

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại, ngày..... tháng năm.....

ÔNG

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

41 Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

42 Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ Ở VIỆT NAM NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM LÀM CON NUÔI**I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)**

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi thường trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi thường trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ⁴³		
Nơi cư trú		

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

 Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

 Chưa có con đẻ

 Đã có con đẻ Đã có con nuôi Nói rõ số lượng con:

Thành viên khác sống cùng:

- Nói số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:

.....

- Nói rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

43 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

- Đã được thông báo về việc nhận con nuôi
- Chưa biết về việc nhận con nuôi
- Ủng hộ việc nhận con nuôi Không ủng hộ việc nhận con nuôi
- Ý kiến khác:

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:

- Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

- Có
- Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):

- Thu nhập:

- Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)
- Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)
- Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)
- Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: Có Không

Làm tại....., ngày..... tháng.....năm.....

Người nhận con nuôi

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi⁴⁴:

⁴⁴ Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi⁴⁵

.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú⁴⁶

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà
 là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con

45 Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

46 Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

nuôi.

.....,
ngày.....tháng.....năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

5. Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi

Trình tự thực hiện:

- Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp để được xem xét, xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi;
- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và xác nhận nếu người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cách thức thực hiện⁴⁷: Nộp tại Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ⁴⁸:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:
 - + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.
 - + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp;
- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.

Lưu ý:

Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã lập Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Số lượng hồ sơ: Không quy định.

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp : Không

⁴⁷ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

⁴⁸ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai⁴⁹:

- Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);
- Biểu mẫu điện tử tương tác Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

Lệ phí (nếu có): Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú tại khu vực biên giới làm con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)⁵⁰:

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.
- Các điều kiện theo quy định pháp luật của nước láng giềng.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Căn cứ pháp lý⁵¹:

- Luật Nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

49 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

50 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

51 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4x6 cm

NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi:.....52

Phân khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ⁵³		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

Phân khai về người được nhận làm con nuôi

52 Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

53 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

Thuộc đối tượng⁵⁴:

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/Thư điện tử:

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú⁵⁵.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại, ngày..... tháng năm.....

ÔNG

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

54 Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

55 Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÔNG DÂN VIỆT NAM THƯỜNG TRÚ Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN TRẺ EM CỦA NƯỚC LÁNG GIỀNG CƯ TRÚ Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI

LÀM CON NUÔI

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (5) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (6) Điện thoại/thư điện tử.

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (12) Điện thoại/thư điện tử.

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ⁵⁶		
Nơi cư trú		

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi Nói rõ số lượng con:

Thành viên khác sống cùng:

- Nói số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:

.....

- Nói rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

56 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

- Đã được thông báo về việc nhận con nuôi
- Chưa biết về việc nhận con nuôi
- Ủng hộ việc nhận con nuôi Không ủng hộ việc nhận con nuôi
- Ý kiến khác:

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:

- Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

- Có
- Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):

- Thu nhập:

- Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)
- Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)
- Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)
- Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: Có Không

Làm tại....., ngày..... tháng.....năm.....

Người nhận con nuôi

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi⁵⁷:

.....
.....

⁵⁷ Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi⁵⁸

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú⁵⁹

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà

..... là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng.....năm.....

58 Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

59 Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

